

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PT  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 292/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 10- 5- 2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhung

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Ông Huỳnh Văn Súc
- Bà Nguyễn Thị Kim Chi

**Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT tham gia phiên tòa:** Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 501/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Mai Thành Mỹ D, sinh năm 1996. Nơi cư trú: số 360, tổ 15, ấp 3, xã Bình Hàng Tây, huyện CL, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1994. Nơi cư trú: ấp Bình Phú 2, xã Phú Bình, huyện PT, tỉnh An Giang.

(Chị D yêu cầu vắng mặt, anh S vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:**

Vào năm 2017, chị và anh Nguyễn Thanh S được gia đình tổ chức lễ cưới, tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hàng Tây, huyện CL, tỉnh ĐT (Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2018, ngày 23/4/2018). Nguyên nhân mâu thuẫn: do thường xuyên cãi nhau về chuyện tiền bạc, anh S cờ bạc không lo làm ăn, đã nhiều lần cho cơ hội nhưng anh không sửa đổi, đã ly thân từ tháng 4/2023 đến nay. Do tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với anh S. Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Mai Nha K, sinh ngày 07/4/2018 và Nguyễn Phu A, sinh ngày 28/8/2021 đang sống với chị D, yêu cầu được tiếp tục nuôi 02

con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.*

Tòa án tiến hành xác minh được ông Mai Thành Phúc (cha ruột của chị D) cho biết: Vợ chồng D - S không còn chung sống từ tháng 4/2023 đến nay, thời gian chung sống thường xuyên cự cãi nhau về chuyện tiền bạc, S ham mê cờ bạc, không lo làm ăn nên thường xuyên cự cãi, cha mẹ hai bên có hàn gắn nhưng không có tiếng nói chung, không phù hợp về tính tình.

### **Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT**

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn với anh S. Về con chung: cần giao 02 con chung tên Nguyễn Mai Nha K, sinh ngày 07/4/2018 và Nguyễn Phu A, sinh ngày 28/8/2021 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Chia tài sản và nợ chung không có nên không xem xét; về án phí, chị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú Bình, huyện PT, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố Tụng Dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:* Nguyên đơn chị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn anh S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Chị D và anh S có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và cuộc sống hôn nhân vợ chồng nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu, đạt được mục đích thì phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau, nhưng anh chị thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, không lo làm ăn, bất đồng quan điểm sống, không còn sống chung từ tháng 4/2023 đến nay. Tòa án đã triệu tập anh S để tham gia hòa giải hai lần và trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh đều không đến, chị D cương quyết yêu cầu ly hôn, nên chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh S là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:*

Vợ chồng chị D, anh S có 02 con chung tên Nguyễn Mai Nha K, sinh ngày 07/4/2018 và Nguyễn Phú A, sinh ngày 28/8/2021, hiện chị D đang nuôi dưỡng 02 con chung từ khi ly thân đến nay. Do anh chị không thỏa thuận được việc nuôi con chung nên Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Để đảm bảo môi trường phát triển của con được ổn định, thuận lợi trong việc học tập, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao 02 con chung tên Nguyễn Mai Nha K và Nguyễn Phú A cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị D tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nên anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung:* Chị D xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về nợ chung:* Ghi nhận chị D xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị D phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thành Mỹ D.

1. Về hôn nhân: chị Mai Thành Mỹ D được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Mai Nha K, sinh ngày 07/4/2018 và Nguyễn Phu A, sinh ngày 28/8/2021, hiện chị D đang nuôi dưỡng 02 con chung.

Giao 02 con chung tên Nguyễn Mai Nha K, sinh ngày 07/4/2018 và Nguyễn Phu A sinh ngày 28/8/2021 cho chị Mai Thành Mỹ D tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên và tự lập được. Anh Nguyễn Thanh S không cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị D cùng các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh S.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Ghi nhận chị D xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Mai Thành Mỹ D phải chịu án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0006358 ngày 20/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT. Anh Nguyễn Thanh S không phải chịu án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện PT;
- Chi cục THADS huyện PT;
- UBND xã Bình Hàng Tây, huyện CL,  
tỉnh ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nhung**